

TRƯỜNG THCS AN ĐIỀN

KỶ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

MÔN: TIN – LỚP 9

NĂM HỌC 2025-2026

Thời gian làm bài: 45 phút

(Không kể thời gian phát bài)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ						Tổng			Tổng % điểm
			TNKQ			Tự luận			Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	Chủ đề 4. Ứng dụng tin học	Trình bày thông tin trong trao đổi hợp tác	5 (1,4, 6,8, 11)	5 (2,3,5 ,7,10)	2 (9,12)				5	5	2	30% 3
		Thực hành: Sử dụng công cụ trực quan trong trao đổi hợp tác	4 (13, 14,1 6,19)	3 (15, 17,18)	1 (20)				4	3	1	20% 2
		Sử dụng công cụ xác thực dữ liệu	4 (21, 22, 23, 26)	4 (24, 25,27 , 28)				1	4	4	1	50% 5
TỔNG SỐ CÂU			28			1			13	12	4	
TỔNG SỐ ĐIỂM			7			3			3.25	3	3.75	10
TỈ LỆ %			70%			30%			32.5 %	27.5 %	37.5 %	100 %

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**MÔN: TIN HỌC - LỚP: 9****THỜI GIAN: 45 PHÚT**

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ		
				Trắc nghiệm khách quan		Thực hành/ Tự luận
				MC	YN	
1	Chủ đề 4: Ứng dụng tin học	Trình bày thông tin trong trao đổi hợp tác	Nhận biết – Biết được khả năng đính kèm văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy.	5MC(B) 5MC(H) 2MC(V)		
2		Thực hành: Sử dụng công cụ trực quan trong trao đổi hợp tác	Vận dụng – Sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video trong trao đổi thông tin và hợp tác. Vận dụng cao – Sử dụng được bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác.	4MC(B) 3MC(H) 1MC(V)		1MC(V)
		Sử dụng công cụ xác thực dữ liệu		4MC(B) 4MC(H)		

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

- Câu 1.** Công cụ nào sau đây không thuộc nhóm hỗ trợ trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác?
- A. Sơ đồ tư duy
B. Bài trình chiếu
C. Phần mềm soạn thảo văn bản
D. Bảng tính trực tuyến
- Câu 2.** Để tạo sơ đồ tư duy hiệu quả, cần lưu ý điều nào sau đây?
- A. Chỉ sử dụng văn bản để diễn giải nội dung.
B. Tránh sử dụng màu sắc trong sơ đồ.
C. Đảm bảo chất lượng hình ảnh và bố cục hợp lý.
D. Chỉ sử dụng sơ đồ tư duy khi làm việc độc lập.
- Câu 3.** Chia sẻ sơ đồ tư duy theo thời gian thực giúp đạt được lợi ích nào?
- A. Các thành viên chủ động xem nội dung.
B. Mọi người có thể chỉnh sửa và trao đổi trực tiếp.
C. Nội dung được bảo mật hơn.
D. Giảm thời gian chuẩn bị sơ đồ tư duy.
- Câu 4.** Khi trình bày thông tin về lịch sử phát triển công cụ tính toán, nên sử dụng loại hình trực quan nào?
- A. Biểu đồ tròn
B. Sơ đồ dòng thời gian
C. Bảng biểu
D. Hình minh họa ngẫu nhiên
- Câu 5.** Để sơ đồ tư duy minh họa chi tiết, cần làm gì?
- A. Chỉ sử dụng văn bản.
B. Đính kèm hình ảnh, video hoặc trang tính.
C. Trình bày toàn bộ nội dung trên một nhánh.
D. Tránh sử dụng dữ liệu đính kèm.
- Câu 6.** Lợi ích chính của việc sử dụng bài trình chiếu trong hợp tác nhóm là gì?
- A. Tự động hoàn thành nội dung.
B. Cung cấp hình ảnh minh họa trực quan.
C. Hạn chế trao đổi giữa các thành viên.
D. Không cần thiết kế.
- Câu 7.** Sơ đồ tư duy trực tuyến có ưu điểm gì khi làm việc nhóm?
- A. Tất cả các thành viên đều có thể chỉnh sửa cùng lúc.
B. Không cần kết nối Internet.
C. Tự động sửa lỗi chính tả.
D. Không cho phép đính kèm dữ liệu.
- Câu 8.** Yếu tố nào không cần thiết khi tạo bài trình chiếu?
- A. Sử dụng hình ảnh minh họa rõ ràng.
B. Sắp xếp nội dung theo logic.
C. Sử dụng phông chữ quá phức tạp.
D. Đảm bảo nội dung ngắn gọn và súc tích.

- Câu 9.** Khi chia sẻ sơ đồ tư duy để các thành viên xem độc lập, cần lưu ý điều gì?
A. Thêm hình ảnh và video làm rõ thông tin. B. Không cần ghi chú chi tiết.
C. Chỉ gửi một phần sơ đồ. D. Tránh sử dụng phần mềm hỗ trợ.
- Câu 10.** Hạn chế lớn nhất của sơ đồ tư duy không đính kèm dữ liệu là gì?
A. Thiếu tính trực quan chi tiết. B. Khó hiểu đối với người không quen.
C. Không thể chia sẻ. D. Không thể chỉnh sửa.
- Câu 11.** Phần mềm tạo sơ đồ tư duy trực tuyến thường hỗ trợ tính năng nào?
A. Tự động lưu trữ phiên bản cũ. B. Ngăn chỉnh sửa khi chia sẻ.
C. Cắm đính kèm dữ liệu. D. Tạo bảng tính trực tuyến.
- Câu 12.** Để tăng sự chú ý của người xem trong bài trình chiếu, nên làm gì?
A. Sử dụng hiệu ứng phức tạp. B. Sử dụng màu sắc hợp lý.
C. Thêm nhiều nội dung trong một trang chiếu. D. Tránh dùng hình ảnh.
- Câu 13.** Khi chèn đường liên kết vào sơ đồ tư duy, bước cuối cùng là:
A. Nháy chuột vào biểu tượng Hyperlink
B. Sao chép liên kết vào ô Link to và nhấn OK
C. Chọn Insert → Attachment → Open
D. Nhập nội dung liên kết vào sơ đồ chính
- Câu 14.** Hình ảnh về máy tính Pascaline được sử dụng trong bài trình chiếu có tên tệp là:
A. Pascaline.png B. BlaisePascal.jpg
C. MáyTinhPascal.png D. CharlesBabbage.jpg
- Câu 15.** Sơ đồ dòng thời gian về Lược sử công cụ tính toán được tạo bằng cách:
A. Tìm mẫu trên Internet hoặc do giáo viên cung cấp
B. Sử dụng hình ảnh tự chụp từ tài liệu
C. Tự thiết kế hoàn toàn bằng phần mềm vẽ
D. Lấy từ phần mềm không cần chỉnh sửa
- Câu 16.** Chức năng nào dùng để đính kèm tệp vào sơ đồ tư duy?
A. Hyperlink B. Attachment C. Video D. Audio
- Câu 17.** Để trình bày sơ đồ tư duy hiệu quả, cần thực hiện:
A. Trao đổi và bổ sung nội dung trong nhóm
B. Tự trình bày mà không cần thảo luận
C. Chỉ sử dụng tệp hình ảnh minh họa
D. Không chỉnh sửa sau khi trình bày
- Câu 18.** Nội dung về Charles Babbage trong bài trình chiếu nên trình bày kèm:
A. Đường liên kết video
B. Hình ảnh minh họa máy tính Pascaline
C. Video minh họa về máy tính đa năng
D. Trang chiếu về sơ đồ dòng thời gian
- Câu 19.** Tệp trình chiếu được lưu với tên:
A. LuocSuMayTinh.pptx B. LuocSu.emm
C. TrienLamTinHoc.ptpx D. SoDoTuDuy.docx
- Câu 20.** Một cách sử dụng sơ đồ tư duy để trình bày thông tin là:
A. Trình bày trên màn hình lớn cho nhóm xem
B. Chỉ in ra giấy để phát
C. Không cho các thành viên tham gia thảo luận

D. Đính kèm video vào sơ đồ tư duy

Câu 21. Công cụ Xác thực Dữ liệu (Data Validation) được sử dụng trong phần mềm bảng tính nhằm mục đích gì?

- A. Tự động định dạng văn bản trong ô. B. Hạn chế kiểu dữ liệu hoặc giá trị nhập vào ô.
C. Tự động lưu trữ dữ liệu nhập vào ô. D. Tạo công thức tính toán cho ô dữ liệu.

Câu 22. Loại xác thực dữ liệu nào dùng để chỉ chấp nhận các số nguyên trong ô?

- A. List B. Whole Number C. Decimal D. Custom

Câu 23. Để xác thực dữ liệu bằng cách chọn từ danh sách thả xuống, bạn cần chọn tùy chọn nào trong hộp thoại Data Validation?

- A. Decimal B. List C. Whole Number D. Text Length

Câu 24. Trong hộp thoại Data Validation, mục Source dùng để làm gì?

- A. Chọn kiểu dữ liệu cho ô.
B. Định nghĩa công thức tính toán.
C. Xác định danh sách dữ liệu nguồn cho tùy chọn List.
D. Hiện thị thông báo lỗi khi nhập sai dữ liệu.

Câu 25. Khi nào màn hình sẽ hiện thị thông báo lỗi trong Data Validation?

- A. Khi ô không có công thức.
B. Khi nhập dữ liệu không đúng với điều kiện xác thực.
C. Khi ô trống không nhập liệu.
D. Khi nhập dữ liệu trùng lặp trong bảng.

Câu 26. Khi chọn kiểu dữ liệu Decimal trong Data Validation, dữ liệu nào được chấp nhận?

- A. Số nguyên. B. Số thập phân. C. Văn bản. D. Danh sách.

Câu 27. Tùy chọn Custom trong Data Validation được dùng để làm gì?

- A. Tạo danh sách tùy chỉnh. B. Xác thực dựa trên công thức tùy chỉnh.
C. Tự động định dạng dữ liệu. D. Tính toán tự động giá trị.

Câu 28. Trong hộp thoại Data Validation, thẻ Error Alert cho phép bạn làm gì?

- A. Định dạng dữ liệu trong ô.
B. Thiết lập thông báo lỗi khi nhập sai dữ liệu.
C. Chọn kiểu dữ liệu nhập vào ô.
D. Tự động kiểm tra lỗi trong bảng tính.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

(Học sinh thực hành trên máy)

Câu 29: Em hãy tạo một trang trình chiếu “*Merry Christmas*”

* **Yêu Cầu:**

- Bố cục hợp lí
- Có hình ảnh phù hợp
- Có nội dung: “*Merry Christmas*”.
- Lưu bài báo ổ đĩa D theo cú pháp:

KTCHK1_ Họ và tên (Lưu bài không có dấu)_lớp

VD: KTCHK1_Nguyen Van A_8A1

....**HẾT**....

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm) Đáp án mã đề: 1**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	C	B	B	B	B	A	C	A	A	A	B	B	A

Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	A	B	A	C	A	A	B	B	B	C	B	B	B	B

II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
	Bố cục hợp lí	1đ
	Có hình ảnh phù hợp	1đ
	Có nội dung: “ <i>Merry Christmas</i> ”.	1đ

HẾT